

BẢN TIN

THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

BAN CHỈ ĐẠO BỘ CÔNG THƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Số 10 năm 2021



Đơn vị thực hiện:

- CỤC CÔNG THƯƠNG ĐỊA PHƯƠNG

- TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

Bản tin

THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

BAN CHỈ ĐẠO BỘ CÔNG THƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

SỐ 10 NĂM 2021

THÁNG 10 NĂM 2021

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:



Cục Công Thương địa phương



Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại

Ý kiến phản hồi đề nghị liên hệ:

Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại

Địa chỉ:

Tầng 6 - 655 Phạm Văn Đồng,

Bắc Từ Liêm - Hà Nội

Tel: (024) 37152585

Fax: (024) 37152574

MỤC LỤC

- 3 **TỔNG QUAN**
- 4 **THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA**
- 4 Giá các mặt hàng nông, lâm, thủy sản tiếp tục tăng sau giãn cách xã hội
- 6 Nhóm hàng nông, thủy sản đang đứng trước yêu cầu cấp thiết trong việc nâng cao chất lượng
- 8 **THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU**
- 8 Kỳ vọng xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sẽ đạt tốc độ tăng trưởng khả quan trong thời gian tới
- 11 Tăng trưởng xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang Mỹ gián đoạn do dịch COVID-19
- 15 Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường Đức tăng khá trong 9 tháng đầu năm 2021
- 18 **THÔNG TIN SẢN XUẤT - XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI**
- 18 Xây dựng thương hiệu nông sản Hưng Yên
- 20 Tuần hàng Việt Nam tại Hà Lan
- 20 Sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý cam Cao Phong
- 21 Bảo hộ chỉ dẫn địa lý "Cà Mau" cho sản phẩm tôm sú
- 21 Doanh nghiệp Nhật Bản cần nhập khẩu mặt hàng tinh dầu lá tía tô
- 21 Doanh nghiệp Hồng Công tìm kiếm nhà cung cấp hạt đậu nành đen
- 22 **THÔNG TIN CHÍNH SÁCH - ĐẦU TƯ**
- 22 Bộ Công Thương đề nghị doanh nghiệp hợp tác điều tra phòng vệ sản phẩm đường mía
- 23 Tiếp nhận hồ sơ yêu cầu rà soát cuối kỳ biện pháp tự vệ đối với phân bón DAP và MAP nhập khẩu
- 24 **THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THẾ GIỚI**
- 24 Nhiều mặt hàng nông sản trên thị trường thế giới tăng giá trong tháng 10/2021
- 25 Nhập khẩu nông, lâm, thủy sản vào Anh tăng trưởng liên tục trong 5 năm qua
- 29 **TIN VẤN**

TỔNG QUAN

Trong tháng 10/2021, kinh tế trong nước đã có tín hiệu hồi phục tích cực hơn sau khi tình hình dịch Covid-19 cơ bản được kiểm soát, các địa phương trên cả nước đã nới lỏng các biện pháp giãn cách xã hội, đưa toàn nền kinh tế trở về trạng thái “bình thường mới”, thể hiện qua xu hướng hồi phục tích cực trong tất cả các chỉ số kinh tế cơ bản.

Riêng trong lĩnh vực nông nghiệp, chuỗi cung ứng sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản dần được hồi phục. Trong đó, sản xuất lâm nghiệp đã có nhiều thuận lợi khi các địa phương gỡ bỏ giãn cách xã hội, hoạt động trồng rừng và khai thác gỗ bắt đầu vào đà tăng để đạt kế hoạch năm 2021. Các doanh nghiệp chế biến thủy sản cũng đang dần phục hồi sản xuất, tăng công suất hoạt động.

Tại thị trường trong nước, giá nhiều mặt hàng nông sản ghi nhận xu hướng tăng trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ ở mức cao sau thời gian giãn cách xã hội. Tính đến cuối tháng 10/2021, giá gạo tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long đã tăng khoảng 3-4% so với thời điểm cuối tháng trước; trong khi giá hạt tiêu xô tại các tỉnh Tây Nguyên đã tăng gần 10% lên mức cao nhất trong 4 năm gần đây.

Trong lĩnh vực xuất khẩu, hoạt động xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản đã ghi

nhận tín hiệu tích cực hơn so với tháng 9/2021, nhưng do nhiều doanh nghiệp chưa thể quay về trạng thái bình thường trước đó, khiến xuất khẩu nhóm hàng này vẫn ở mức thấp nếu so với cùng kỳ năm trước. Ước tính, kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản trong tháng 10/2021 đạt 2,98 tỷ USD, tăng 3,9% so với tháng trước, nhưng vẫn giảm 16,1% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung trong 10 tháng năm 2021, kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản ước đạt 34,2 tỷ USD, tăng 13,1% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 12,8% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước.

Trong thời gian tới, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản dự kiến sẽ phải đối mặt với hàng loạt trở ngại, đó là nguy cơ dịch Covid-19 bùng phát trở lại, cước phí vận tải vẫn được duy trì ở mức cao kỷ lục, cộng với rào cản thương mại tại các thị trường nhập khẩu. Trong thời gian gần đây, Trung Quốc đã ban hành hàng loạt quy định nhằm kiểm soát, giám sát chặt chẽ hàng nông, thủy sản nhập khẩu vào thị trường này.



MỘT SỐ THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý:

- ▶ Trong tháng 10/2021, Bộ Công Thương đã ban hành công văn số 6195/BCT-AM ngày 6/10/2021 về việc thu hồi 01 lô gạo thơm giống ST25 hiệu Nữ hoàng tại Bỉ và công văn số 6353/BCT-AM ngày 12/10/2021 đưa ra cảnh báo về dư lượng các chất có hại trong một số nông sản, thủy sản của Việt Nam xuất khẩu vào thị trường EU.
- ▶ Cục Phòng vệ thương mại thông báo về việc bắt đầu tiếp nhận hồ sơ yêu cầu rà soát cuối kỳ biện pháp tự vệ đối với phân bón DAP và MAP nhập khẩu (SG06) vào ngày 20/10/2021.

GIÁ CÁC MẶT HÀNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN TIẾP TỤC TĂNG SAU GIÃN CÁCH XÃ HỘI



Sau khi TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành phố phía Nam nới lỏng giãn cách xã hội từ đầu tháng 10, giá các mặt hàng nông sản tiếp tục tăng nhờ sự phục hồi sản xuất của các doanh nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản.

+ Mặt hàng lúa, gạo: Tính đến ngày 27/10/2021, giá gạo tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long tăng 200 – 300 đồng/kg so với tháng trước, với gạo IR NL 504 dao động ở mức 8.300 đồng/kg; gạo TP IR 504 ở mức 9.200 đồng/kg; Cám vàng đạt 7.600 đồng/kg và tấm 1 IR 504 dao động 7.650 đồng/kg.

Tại An Giang, giá nếp vỏ khô tăng 300 đồng/kg so với cuối tháng trước lên 7.000 đồng/kg; lúa OM 18 ở mức 5.700 đồng/kg, tăng 100 đồng/kg; Đài thơm 8 (tươi) 5.700 - 5.900 đồng/kg, tăng 100 đồng/kg; OM 18 5.700 đồng/kg/kg; Nàng hoa 9 giá 6.100 đồng/kg; lúa Nhật 7.600 đồng/kg; riêng lúa IR 50404 tăng 500 đồng/kg.

Trong khi đó, gạo 5% tấm của Việt Nam có giá chào bán ở mức 430 – 435 USD/tấn, tăng 15 USD/tấn so với tháng trước. Hoạt động xuất khẩu đang tăng tốc sau khi phần lớn các hạn chế di chuyển để kiểm soát lây nhiễm virus corona được dỡ bỏ.

+ Mặt hàng cà phê: Giá cà phê tại các vùng nguyên liệu trọng điểm Tây Nguyên đã tăng khá mạnh 1.700 đồng/kg lên mức 42.400 đồng/kg, mức cao nhất trong hơn 4 năm qua.

Theo các đại lý, thị trường cà phê Robusta được hỗ trợ bởi tình trạng thiếu hụt container vận chuyển ở Việt Nam đã làm hạn chế xuất khẩu. Bên cạnh đó, thời tiết có mưa kéo dài khiến cho việc thu hoạch cà phê vụ mới ở Tây nguyên và Đông Nam Bộ vừa triển khai đã bị đình trệ.

+ Mặt hàng hạt tiêu: Tương tự mặt hàng cà phê, giá hạt tiêu xô tại các tỉnh Tây Nguyên tiếp tục tăng thêm 8.000 đồng/kg lên mức 89.500 đồng/kg, cao nhất trong gần 4 năm. Giá tiêu tăng do nguồn cung năm nay sụt giảm, diện tích thu hẹp, trong khi các nước nhập khẩu lớn như châu Âu, Mỹ, Trung Quốc, Trung Đông và châu Phi... đang tích cực mua vào để đáp ứng nhu cầu dịp cuối năm và đầu năm mới.

Bên cạnh đó, giá vật tư nông nghiệp như phân bón tăng trên 100% đang dẫn đến nhiều thách thức cho người dân trong việc chăm sóc cây tiêu. Chi phí tăng sẽ đẩy giá tiêu tiếp tục tăng trong những tháng cuối năm nay và đầu năm 2022

+ Mặt hàng thủy sản: Tại ĐBSCL, giá cá tra trong tháng 10 dao động ở mức 21.000-23.000 đồng/kg, tăng 1.000 đồng/kg so với cuối tháng trước.

Trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội, các hoạt động di chuyển, vận chuyển bị hạn chế đã ảnh hưởng đến sản xuất, chế biến và xuất khẩu cá tra. Người nuôi cá tra tại khu vực Đồng bằng

sông Cửu Long phải cố gắng duy trì cầm chừng, chờ thu hoạch hết mới tính toán chuyện thả nuôi lứa sau. Điều này có thể khiến cho sản lượng cá tra trong những tháng cuối năm 2021, đầu năm 2022 sẽ có nguy cơ thiếu hụt.



Tham khảo giá nông, lâm, thủy sản tại thị trường trong nước ngày 27/10/2021

Tên hàng	Ngày 27/10/2021 (đ/kg)	So với ngày 27/9/2021 (%)	So với cuối năm 2020 (%)
Cà phê nhân xô tại Tây Nguyên	42.400	4,2	22,9
Tiêu đen Tây Nguyên và Nam Bộ	89.500	9,8	65,7
Cá tra thịt trắng loại 1 tại Đồng Tháp	23.000	4,5	9,5
Tôm càng xanh tại Đồng Tháp (15 - 25 con/kg)	200.000	0,0	0,0
Cá tra thịt trắng tại An Giang	21.000	0,0	
Tôm càng xanh tại An Giang	190.000	2,7	
Cá ngừ đại dương tại Phú Yên	115.000	7,5	27,8
Tôm sú nước mặn loại 40 con/kg tại Phú Yên	220.000	0,0	0,0
Tôm thẻ chân trắng tại Phú Yên	92.000	15,0	-3,2
Giá gạo tại ĐBSCL			
Gạo NL IR 504	8.300	3,8	-15,7
Gạo thành phẩm IR 504	9.200	2,2	-17,9
Tấm gạo IR 504	7.600	2,7	-23,2
Cám vàng	7.650	15,9	10,9
Giá gạo tại An Giang			
Nếp vỏ (tươi) 3 tháng	6.900		
Nếp vỏ (khô)	7.000	4,5	7,9
Lúa IR 50404	5.100	8,5	-25,0
Lúa Đài thơm 8	5.900	1,7	-18,1
Lúa OM 5451	5.700	9,6	-17,4
Lúa OM 6976	5.400	8,0	-21,7
Lúa OM 18	5.700	1,8	-18,6
Nàng Hoa 9	6.100	0,0	
Lúa Nhật	7.600	0,0	-3,8
Lúa khô IR 50404	6.000	9,1	-20,0
Lúa Nàng Nhen (khô)	12.000	0,0	0,0

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

NHÓM HÀNG NÔNG, THỦY SẢN ĐANG ĐỨNG TRƯỚC YÊU CẦU CẤP THIẾT TRONG VIỆC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

Trong những năm gần đây, các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), FTA Việt Nam - EU (EVFTA), FTA Việt Nam - Anh (UKVFTA) và sắp tới là Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) có hiệu lực đã và đang mang tới những cơ hội rất lớn cho hàng nông sản Việt Nam. Việc tham gia vào các Hiệp định tạo ra nhiều lợi thế về thuế quan trong xuất khẩu hàng nông sản, nhưng đồng thời cũng khiến các doanh nghiệp gặp khó khi phải đối mặt với các hàng rào kỹ thuật như yêu cầu về chất lượng, mẫu mã, hàm lượng dinh dưỡng... trong sản phẩm một cách chi tiết, cụ thể và nghiêm ngặt hơn. Ngoài ra, xuất khẩu tới thị trường tiêu thụ nông sản lớn nhất của Việt Nam là Trung Quốc cũng đang đối mặt với nhiều khó khăn trong bối cảnh Trung Quốc trong gần 2 năm qua đã đẩy mạnh các biện pháp quản lý hàng nông sản nhập khẩu và dự kiến sẽ tiếp tục siết chặt điều kiện nhập khẩu nông sản trong thời gian tới. Trước những diễn biến mới, yêu cầu về việc nâng cao chất lượng đối với hàng nông sản đang ngày càng trở nên quan trọng và cấp thiết.

Trong khi đó, mặc dù đã rất nỗ lực nhưng đến thời điểm này nhiều mặt hàng nông sản của Việt Nam vẫn chưa được đánh giá cao về chất lượng trên thị trường thế giới. Các sản phẩm nông sản thế mạnh như hạt tiêu, hạt điều, tôm, cá tra, cà phê, gạo... tuy đứng trong nhóm đầu về giá trị xuất khẩu, nhưng nhìn chung giá xuất khẩu bình quân thấp hơn nhiều so với giá sản phẩm cùng loại của các nước cạnh tranh trong khu vực. Chất lượng sản phẩm xuất khẩu chưa đồng đều, chưa có tính ổn định, trong khi yêu cầu các nước nhập khẩu ngày càng cao, nhất là các yêu

cầu về VSATTP, truy xuất nguồn gốc. Đặc biệt, tỷ lệ sản phẩm nông sản Việt Nam có thương hiệu còn ít, từ đó làm giảm sức cạnh tranh và hạn chế sự tham gia sâu vào các hệ thống phân phối bán lẻ các nước nhập khẩu.

Đối với EU, sự hồi phục của kinh tế EU hỗ trợ cho xuất khẩu nông sản sang thị trường này khởi sắc trở lại với kim ngạch xuất khẩu hàng loạt mặt hàng như rau quả, cao su, hạt điều và hạt tiêu trong quý III/2021 và 9 tháng đầu năm 2021 đều ghi nhận tốc độ tăng trưởng khá so với cùng kỳ năm trước, cho dù đây là thời điểm dịch Covid-19 bùng phát mạnh tại nhiều địa phương trên cả nước. Bên cạnh đó, với EVFTA, hàng hóa Việt Nam khi xuất khẩu vào EU cũng có nhiều lợi thế hơn do được ưu đãi thuế quan.



Tuy nhiên, trong thực tế, vẫn còn có những tồn tại chưa thể khắc phục được của hàng nông sản Việt Nam khi xuất khẩu vào EU. Từ đầu năm 2021 đến nay, một số doanh nghiệp Việt Nam khi xuất khẩu nông sản vào thị trường EU đã bị trả hàng

Đã có nhiều lô hàng nông sản xuất khẩu vào EU bị trả về do một bộ phận doanh nghiệp, người sản xuất không nắm vững thông tin về thị trường xuất khẩu hoặc việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm doanh nghiệp thực hiện chưa tốt,

do đó không truy ra được lỗi ở khâu nào để xử lý nếu hàng không đạt yêu cầu, nên vướng phải các cảnh báo vi phạm về tiêu chuẩn an toàn chất lượng, chưa đáp ứng yêu cầu kiểm dịch từ các thị trường, làm ảnh hưởng uy tín nông sản xuất khẩu của Việt Nam. Riêng trong tháng 10/2021, Bộ Công Thương đã ban hành 2 công văn số 6195/BCT-AM ngày 6/10/2021 về việc thu hồi 01 lô gạo thơm giống ST25 hiệu Nữ hoàng tại Bỉ và công văn số 6353/BCT-AM ngày 12/10/2021 đưa ra cảnh báo về dư lượng các chất có hại trong một số nông sản, thủy sản của Việt Nam xuất khẩu vào thị trường EU. Trước đó, Bộ Công Thương cũng đưa ra 2 cảnh báo về ATTP và thức ăn chăn nuôi đối với sản phẩm của Việt Nam xuất khẩu tới EU do vi phạm các quy định về ATTP.

Đối với thị trường Trung Quốc, sau hàng loạt biện pháp quản lý chặt đối với các mặt hàng nông sản nhập khẩu trong năm 2020, trong năm 2021, Tổng cục Hải quan Trung Quốc tiếp tục ban hành Lệnh số 248 và số 249 trong lĩnh vực quản lý an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu. Hai lệnh này sẽ có hiệu lực thi hành kể từ đầu năm 2022, trong đó có rất nhiều quy định mới và chưa có tiền lệ. Trong 10 tháng năm 2021, Trung Quốc đã có 42 thông báo về những thay đổi SPS (tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn thực phẩm). Gần đây nhất, Bộ Nông nghiệp Nông thôn, Ủy ban Y tế Quốc gia và Tổng cục Quản lý giám sát thị trường Trung Quốc thống nhất ban hành Tiêu chuẩn mới GB 2763-2021, quy định 10.092 mức giới hạn dư lượng tối đa, với 564 loại thuốc bảo vệ thực vật, trong danh mục 376 thực phẩm. So với tiêu chuẩn GB2763-2019, số lượng loại thuốc bảo vệ thực vật trong tiêu chuẩn mới tăng 81 loại, tăng 16,7%; giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật tăng 2.985 loại, tăng 42%.

Như vậy, các doanh nghiệp của Việt Nam phải tuân thủ một loạt những quy định mới nếu muốn tiếp tục xuất khẩu nông sản vào Trung Quốc. Hiện các cơ quan

quản lý của Việt Nam đang cùng các doanh nghiệp xuất khẩu nông, thủy sản gấp rút hoàn thiện hồ sơ, kịp đáp ứng với những quy định mới của Trung Quốc, để tránh gián đoạn xuất khẩu khi sắp sang năm 2022. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện vẫn đang gặp rất nhiều khó khăn.

Trong thực tế, ngay cả khi những quy định mới theo Lệnh số 248 và số 249 chưa có hiệu lực thì việc thông quan nông sản của nước ta sang Trung Quốc cũng đã gặp không ít khó khăn trong bối cảnh cơ quan hải quan nước này liên tục tăng cường kiểm soát dịch bệnh và kiểm hóa 100% lô hàng trái cây.

Đối với thị trường nội địa, với hàng loạt các FTA đã có hiệu lực, hàng nông, thủy sản của Việt Nam cũng đang và sẽ tiếp tục phải cạnh tranh gay gắt với hàng nhập khẩu do hàng rào thuế dần được cắt giảm. Điều này dẫn tới rủi ro thị trường trong nước dần bị thu hẹp khi mà nông sản từ các nước Australia, New Zealand hay Nhật Bản... đều có chất lượng cao, thương hiệu mạnh và giá cả cạnh tranh. Ngoài ra, nhiều mặt hàng nông sản xuất khẩu của Thái Lan cũng đang có các lợi thế này so với Việt Nam và hiện đang chiếm thị phần khá cao tại thị trường trong nước.

Như vậy, trước những đòi hỏi ngày càng cao của thị trường nội địa cũng như các thị trường xuất khẩu, để tạo được vị thế trên sân nhà, tránh đứt gãy xuất khẩu, vượt qua các rào cản kỹ thuật đang được các thị trường nhập khẩu đặt ra ngày càng nhiều và có thể tận dụng hiệu quả các FTA đã có hiệu lực, các doanh nghiệp và các địa phương cần tổ chức lại sản xuất, đảm bảo nguồn hàng có chất lượng, giá trị gia tăng cao, đặc biệt là chú trọng công tác truy xuất nguồn gốc nhằm hạn chế tối đa tình trạng gian lận thương mại, kiểm soát chất lượng, minh bạch thông tin sản phẩm bằng mã số, mã vạch, tem truy xuất hàng hóa.

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU



Kỳ vọng xuất khẩu nông, lâm, thủy sản

SẼ ĐẠT TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KHẢ QUAN trong thời gian tới

Trong tháng 10/2021, hoạt động xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản đã ghi nhận tín hiệu tích cực hơn so với tháng trước sau khi các địa phương trên cả nước đã nới lỏng các biện pháp giãn cách xã hội, giúp điều kiện kinh doanh của các doanh nghiệp được cải thiện. Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp vẫn gặp trở ngại về nguồn vốn và lao động để quay về trạng thái bình thường trước đó, khiến xuất khẩu nhóm hàng này vẫn ở mức thấp nếu so với cùng kỳ năm trước. Ước tính, kim ngạch xuất khẩu 10 mặt hàng nông, lâm, thủy sản chủ lực (gồm hạt tiêu, hạt điều, gạo, rau quả, thủy sản, cao su, cà phê, chè, sắn và các sản phẩm từ sắn, gỗ và sản phẩm gỗ) trong tháng 10/2021 đạt 2,98 tỷ USD, tăng 3,9% so với tháng trước, nhưng vẫn giảm 16,1% so với cùng kỳ năm 2020.

So với tháng trước, các doanh nghiệp ngành gỗ, thủy sản và cao su đã trở lại sản xuất nhanh hơn dự kiến với tốc độ tăng xuất khẩu lần lượt đạt 11,2%; 12,1% và 9,7%. Đây là diễn biến rất tích cực bởi đợt dịch Covid-19 lần thứ 4 đã tác động mạnh nhất tới các tỉnh, thành phố phía Nam, là nơi tập trung các doanh nghiệp sản xuất, chế biến và xuất khẩu gỗ, cao su, thủy sản lớn nhất cả nước. Tuy nhiên, xuất khẩu nhiều mặt hàng như rau quả, cà phê, hạt tiêu hay sắn tiếp tục xu hướng giảm bởi tình trạng vận chuyển vẫn chưa thể hồi phục sau giai đoạn bị đình trệ do ảnh hưởng bởi giãn cách xã hội, cộng với việc Trung Quốc, thị trường tiêu thụ nông sản lớn nhất, tiếp tục áp dụng các biện pháp kiểm soát dịch bệnh chặt chẽ đối với hàng nông, thủy sản Việt Nam.

**Ước tính xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản trong tháng 10
và 10 tháng năm 2021 (Lượng: Nghìn tấn; Trị giá: Triệu USD)**

Mặt hàng chủ yếu	Năm 2021				So sánh (%)					
	Ước tính tháng 10		Ước tính 10 tháng		UT10/21 so với T9/21		UT10/21 so với T10/20		U10T/21 so với 10T/20	
	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch
Tổng kim ngạch xuất khẩu	26.700		267.332		-1,2		-1,9		16,4	
Nhóm nông, lâm, thủy sản	2.982		34.218		3,9		-16,1		13,1	
<i>Tỷ trọng</i>	11,2		12,8							
Thủy sản	700		6.889		12,1		-23,5		-0,8	
Rau quả	220		2.971		-5,2		-8,8		8,7	
Hạt điều	50	328	477	2.987	-2,5	-3,8	-6,4	2,3	14,1	13,5
Cà phê	90	193	1.274	2.422	-10,3	-8,1	-2,2	13,7	-5,1	4,1
Chè	12	21	104	174	2,6	3,3	-11,9	-8,8	-7,2	-3,3
Hạt tiêu	15	64	228	783	-2,2	3,5	-30,6	19,2	-5,7	44,2
Gạo	530	278	5.103	2.697	-10,7	-5,2	46,1	44,9	-4,6	2,2
Sắn và các sp từ sắn	160	70	2.314	926	-19,9	-20,5	-28,2	-19,4	7,7	21,2
- Sắn	27	12	741	196	-29,0	7,7	-8,9	52,4	40,4	62,0
Cao su	200	328	1.488	2.478	10,7	9,7	3,0	21,7	13,9	46,5
Gỗ và sản phẩm gỗ	780		11.890		11,2		-39,2		21,4	

Nguồn: Số liệu ước tính Liên bộ (gồm: Bộ Kế hoạch & Đầu tư, Bộ Công Thương, NHNN, Tổng cục Thống kê và Tổng cục Hải quan)

Tính chung 10 tháng năm 2021, kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản ước đạt 34,2 tỷ USD, tăng 13,1% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 12,8% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước. Trong đó, trừ kim ngạch xuất khẩu thủy sản và chè giảm nhẹ 0,8% và 3,3% so với cùng kỳ năm trước, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng còn lại đều đạt tốc độ tăng trưởng khá. Trong đó, đóng góp nhiều nhất vào tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của nhóm nông, lâm, thủy sản là hạt tiêu (tăng 44,2%); cao su (tăng 46,5%), gỗ và sản phẩm gỗ (tăng 21,4%).

Trong 10 tháng qua, xuất khẩu hầu hết các mặt hàng nông sản đều được hỗ trợ về giá. Trong đó, giá xuất khẩu bình quân một số mặt hàng ghi nhận mức tăng cao như hạt tiêu tăng 52,9%; cao su tăng

28,6%; sắn và các sản phẩm từ sắn tăng 12,6%, cà phê tăng 9,8%.

Về thị trường xuất khẩu, Mỹ, Trung Quốc, EU, Nhật Bản tiếp tục là những thị trường xuất khẩu nông, lâm, thủy sản chủ lực của Việt Nam. Trong đó, nhờ những nỗ lực trong công tác kiểm soát dịch bệnh, tiêm phòng vắc xin và mở cửa thị trường trở lại nên xuất khẩu sang các thị trường Mỹ và EU đã có sự phục hồi khá nhanh, đặc biệt là đối với mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ, cao su, hạt tiêu, thủy sản và rau quả. Ngoài ra, xuất khẩu hầu hết các mặt hàng nông, lâm sản chủ lực sang Trung Quốc cũng tăng tốc nhờ nhu cầu tiêu thụ ở mức cao trong bối cảnh nền kinh tế lớn thứ hai thế giới ghi nhận xu hướng hồi phục rõ nét, đặc biệt là trong giai đoạn nửa đầu năm 2021.

Ước tính giá xuất khẩu bình quân một số mặt hàng nông sản trong tháng 10 và 10 tháng đầu năm 2021

Mặt hàng chủ yếu	Tháng 10/2021 (USD/tấn)	10 tháng năm 2021 (USD/tấn)	So sánh tăng/giảm về giá XKBQ (%)		
			T10/2021 so với T9/2021	T10/2021 so với T10/2020	10T/2021 so với 10T/2020
Nhân điều	6.560	6.257	-1,4	9,3	-0,5
Cà phê	2.144	1.902	2,5	16,2	9,8
Chè các loại	1.750	1.682	0,7	3,5	4,3
Hạt tiêu	4.267	3.435	5,8	71,9	52,9
Gạo	525	529	6,2	-0,8	7,1
Sắn và các sản phẩm từ sắn	438	400	-0,8	12,2	12,6
- Sắn	438	264	51,8	67,3	15,4
Cao su	1.640	1.665	-0,9	18,2	28,6

Nguồn: Số liệu ước tính Liên bộ

Trong thời gian tới, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản dự kiến sẽ phải đối mặt với hàng loạt trở ngại. Đó là nguy cơ dịch Covid-19 bùng phát trở lại bất cứ lúc nào trong khi nền kinh tế chưa thực sự hồi phục hoàn toàn sau làn sóng dịch Covid-19 lần thứ 4. Hoạt động logistics vẫn đang gặp rất nhiều khó khăn khi cước phí vận tải vẫn được duy trì ở mức cao kỷ lục do tình trạng thiếu hụt trầm trọng container tại các cảng biển trên toàn cầu tiếp tục diễn ra.



Trong khi đó, các doanh nghiệp tiếp tục đứng trước các rào cản thương mại tại những thị trường nhập khẩu. Trong thời gian gần đây, Trung Quốc đã ban hành hàng loạt quy định nhằm kiểm soát, giám

sát chặt chẽ hàng nông, thủy sản nhập khẩu vào thị trường này. Diễn biến này đòi hỏi các doanh nghiệp Việt Nam nếu muốn giữ thị phần tại Trung Quốc buộc phải nhanh chóng điều chỉnh và thích ứng với các yêu cầu của phía Trung Quốc như an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, bao bì nhãn mác, thủ tục pháp lý... Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cần phải nhanh nhạy, cập nhật thường xuyên và nắm bắt thật chắc các quy định mới theo yêu cầu của các thị trường nhập khẩu. Đây cũng là "chìa khóa" để các doanh nghiệp có thể mở rộng thị trường và tận dụng tốt ưu đãi trong các FTA mà Việt Nam đã tham gia.

Trong bối cảnh toàn nền kinh tế đang duy trì trạng thái "bình thường mới", hoạt động sản xuất kinh doanh từng bước được khôi phục, các doanh nghiệp nông, lâm, thủy sản đều đang nỗ lực đẩy mạnh sản xuất nhằm hoàn thành các đơn hàng trong những tháng còn lại của năm. Trong khi đó, các cơ quan quản lý cũng tích cực phối hợp với các ngành, địa phương tăng cường triển khai nhiều giải pháp thúc đẩy sản xuất, mở rộng, khơi thông thị trường, qua đó tăng tốc để hoàn thành kế hoạch

đã đề ra. Ngày 11/10/2021, Nghị quyết số 128/NQ-CP của Chính phủ ban hành Quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19” đã khơi thông nhiều vướng mắc, giúp doanh nghiệp khôi phục sản xuất - kinh doanh và tự chủ động ứng phó linh hoạt trước tình hình dịch bệnh.

Như vậy, với sự hỗ trợ của Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương, lợi thế từ 14 FTA mà Việt Nam tham gia đang có hiệu lực, cộng với nhu cầu tiêu dùng tại các thị trường lớn được kỳ vọng sẽ tiếp tục phục hồi, mặc dù vẫn đối mặt với nhiều

khó khăn nhưng có thể nói, triển vọng mở rộng thị trường, thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu của các doanh nghiệp nông, lâm, thủy sản trong thời gian tới còn rất lớn, nhất là trong bối cảnh thị phần hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam tại các nước đối tác trong CPTPP, EVFTA, UKVFTA và sắp tới là RCEP vẫn ở mức thấp. Vấn đề còn lại phụ thuộc nhiều vào nỗ lực của doanh nghiệp qua sự nắm bắt cơ hội, tổ chức sản xuất, thay đổi tư duy và cách tiếp cận về yêu cầu của các thị trường nhập khẩu nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu của các thị trường đối tác.

Tăng trưởng xuất khẩu

NÔNG, LÂM, THỦY SẢN SANG MỸ gián đoạn do dịch COVID-19

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Mỹ trong tháng 9/2021 đã giảm tháng thứ 2 liên tiếp với kim ngạch đạt 672,73 triệu USD, giảm 13,6% so với tháng 8/2021 và giảm 34,2% so với cùng kỳ năm ngoái.

Nguyên nhân giảm là do ảnh hưởng tiêu cực của đợt bùng phát dịch COVID-19 lần thứ 4 trong nước, đặc biệt là tại TP. Hồ Chí Minh và nhiều tỉnh, thành phố phía Nam phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài hơn 2 tháng, khiến hoạt động sản xuất, xuất khẩu bị đình trệ.

Tuy nhiên, nhờ đà tăng trưởng rất cao trong các tháng đầu năm nên tính chung 9 tháng năm 2021, xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Mỹ vẫn tăng mạnh 32,7% so với cùng kỳ năm 2020, đạt 9,51 tỷ USD.

Với tốc độ tăng trưởng này, Mỹ tiếp tục vượt qua Trung Quốc, trở thành thị trường xuất khẩu nông, lâm, thủy sản lớn nhất



của Việt Nam, trong khi trước đây vị trí này luôn thuộc về Trung Quốc.

Hiện nay, thương mại nông sản của Việt Nam và Mỹ mang tính hỗ trợ cho nhau. Mỹ là thị trường số 1 của rất nhiều mặt hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam, trong đó có thể kể đến như thủy sản, hạt điều, cà phê, hạt tiêu, cao su và nhiều loại quả.

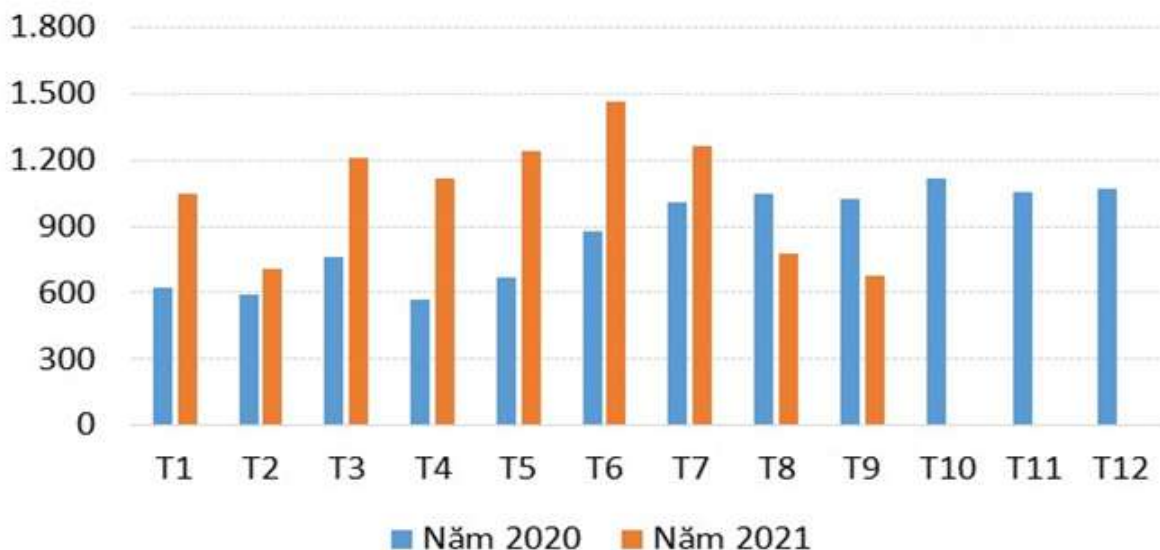
Trong khi đó, các nông sản xuất khẩu hàng đầu của Mỹ sang Việt Nam là bông, các sản phẩm đầu vào của ngành sữa, ngô, đậu nành, bột mì..., đây đều là những

sản phẩm đầu vào quan trọng của các ngành sản xuất, chế biến tại Việt Nam.

Dự báo kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Mỹ

sẽ tăng trưởng tích cực trong quý IV/2021 sau khi dịch bệnh trong nước cơ bản đã được kiểm soát, nhu cầu tiêu thụ tại Mỹ tiếp tục tăng cao trong các tháng cuối năm.

Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam tới thị trường Mỹ năm 2020 - 2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong 9 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu của hầu hết mặt hàng nông, lâm, thủy sản sang thị trường Mỹ đều tăng trưởng mạnh, nhưng hai mặt hàng cà phê và gạo lại giảm 5,1% và 18,4% so với cùng kỳ năm ngoái.

Trong khi đó, cao su là mặt hàng ghi nhận tăng trưởng xuất khẩu cao nhất với mức tăng 88,6% về lượng và 141,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020, đạt 30,17 nghìn tấn, trị giá 52,13 tỷ USD.

Kim ngạch xuất khẩu hạt tiêu, hàng rau quả sang thị trường Mỹ cũng tăng mạnh 59,7% và 36,1% so với cùng kỳ năm trước.

Tương tự, kim ngạch xuất khẩu 2 mặt hàng có kim ngạch cao nhất là thủy sản sang tăng 23,8%, đạt 1,45 tỷ USD; gỗ và sản phẩm gỗ tăng 40,6%, đạt 6,69 tỷ USD.

Gỗ và sản phẩm gỗ:

Theo Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam (VFA - FOREST), sự phục hồi của nền kinh tế đang thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ đồ gỗ tại thị trường này, nhất là dịp cuối năm. Nhu cầu có thể lên tới 100 tỷ USD trong năm 2021 khi nền kinh tế này được dự báo tăng trưởng 6-7%. Do đó, cơ hội xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Mỹ rất khả quan nếu tình hình dịch bệnh được kiểm soát.

Đáng chú ý, theo nguồn mordorintelligence.com, dự báo thị trường đồ nội thất gia đình của Mỹ tăng trưởng bình quân 3% trong giai đoạn năm 2021-2026 với động lực chính là thị trường xây dựng nhà đang cải thiện.

Tuy nhiên, bên cạnh những khó khăn do dịch bệnh, ngành gỗ cũng tiềm ẩn những rủi ro khác. Cục Phòng vệ thương mại (Bộ Công Thương) vừa cảnh báo 10 sản phẩm

có nguy cơ bị áp dụng biện pháp chống lẩn tránh, gian lận xuất xứ, chuyển tải bất hợp pháp hoặc biện pháp phòng vệ thương mại, trong đó có 3 mặt hàng gỗ

gồm: Gỗ dán từ nguyên liệu gỗ cứng, tủ gỗ, ghế sofa có khung gỗ, các mặt hàng này đều xuất khẩu tới thị trường Mỹ.

Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Mỹ trong 9 tháng đầu năm 2021

Mặt hàng	9 tháng năm 2021		So với 9 tháng năm 2020 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng kim ngạch		9.512.301		32,7
Gỗ và sản phẩm gỗ		6.688.916		40,6
Hàng thủy sản		1.454.347		23,8
Hạt điều	133.070	777.287	9,7	0,5
Cà phê	96.472	189.416	-13,9	-5,1
Hạt tiêu	46.653	169.599	9,7	59,7
Hàng rau quả		166.251		36,1
Cao su	30.168	52.129	88,6	141,2
Gạo	11.156	8.307	-24,9	-18,4
Chè	4.402	6.048	10,5	17,4

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan



Hàng thủy sản:

Mặc dù chứng lại so với quý trước đó, nhưng xuất khẩu thủy sản sang Mỹ trong quý 3/2021 vẫn tăng 5,7% so với cùng kỳ năm ngoái.

Thị trường Mỹ đang hồi phục rất mạnh nhu cầu, trong khi nguồn cung thủy sản trong nước thường chỉ đáp ứng 10% tiêu thụ nội địa lại bị sụt giảm vì gián đoạn sản xuất trong Covid-19. Thiếu nguyên liệu, thiếu lao động, giá thủy sản ở Mỹ tăng cao. Do vậy, nhu cầu thủy sản nhập khẩu rất lớn, nhất là các sản phẩm tôm, cua ghe...

Mỹ hiện là thị trường xuất khẩu tôm lớn nhất của Việt Nam khi chiếm 28% thị phần với kim ngạch đạt 771,79 triệu USD trong 9 tháng đầu năm 2021, tăng 22,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Nhu cầu nhập

khẩu tôm của Mỹ vẫn cao, nhất là khi thị trường này đang mở cửa trở lại và các dịp lễ cuối năm đang tới gần.

Theo Cơ quan Quản lý khí quyển và đại dương quốc gia Mỹ (NOAA), nhập khẩu tôm của Mỹ tiếp tục tăng trong tháng 8/2021, là tháng thứ 9 liên tiếp nhập khẩu tôm của nước này ghi nhận tăng trưởng. Cụ thể, Mỹ nhập khẩu 89.407 tấn tôm trong tháng 8/2021, tăng 8% so với tháng 8/2020.

Nhập khẩu tôm của Mỹ từ Ecuador liên tục tăng mạnh từ đầu năm nay. Tuy nhiên, theo các chuyên gia, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu tôm Ecuador sang Mỹ sẽ khó duy trì được trong thời gian tới do thiếu nguyên liệu để chế biến, đây là cơ hội cho tôm Việt Nam.

Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu cá tra, cá ngừ, ghe của Việt Nam sang thị trường Mỹ cũng tăng mạnh lần lượt là 43,8%, 25% và 68,8% so với cùng kỳ năm 2020.

Kim ngạch xuất khẩu một số loại thủy sản của Việt Nam sang thị trường Mỹ trong 9 tháng đầu năm 2021

Chủng loại	9 tháng năm 2021		So với 9 tháng năm 2020 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tôm đông lạnh	67.890	771.791	15,8	22,3
Cá tra đông lạnh	78.797	249.257	30,1	43,8
Cá ngừ đông lạnh	18.759	163.056	23,6	25,0
Cá ngừ đóng hộp	16.829	62.822	-2,5	-18,3
Ghẹ đóng hộp	1.206	26.314	-4,0	68,8
Cá chẽm đông lạnh	1.442	19.210	-5,4	-7,5
Cá dứa đông lạnh	1.675	12.563	126,4	148,2
Nghêu đông lạnh	3.168	10.191	74,7	128,2
Cá tuyết đông lạnh	2.069	9.830	10,2	-7,8
Ghẹ đông lạnh	463	8.469	66,3	79,7
Surimi	1.934	8.370	156,6	121,7
Bạch tuộc đông lạnh	1.220	7.502	85,3	115,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Rau quả:

Mỹ hiện là thị trường nhập khẩu đầy tiềm năng đối với rau quả Việt Nam. Trong 9 tháng đầu năm nay, thanh long, sầu riêng là hai loại quả có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang thị trường Mỹ với 17,69 triệu USD và 16,72 triệu USD, tăng 16% và 247,6% so với cùng kỳ năm ngoái.

Đáng chú ý, macadamia và chanh leo xuất khẩu sang Mỹ tăng tới 998,4% và 1.600% so với cùng kỳ năm trước.

Đến nay, Mỹ đã mở cửa thị trường cho một số loại trái cây nhiệt đới từ Việt Nam như: Xoài, nhãn, vải, thanh long, chôm chôm và vú sữa. Các loại quả khác có thể được xuất khẩu ở dạng đông lạnh hoặc sản phẩm chế biến.

Trong thời gian tới, phía Mỹ sẽ tiếp tục xem xét mở cửa thị trường cho bưởi, chanh leo của Việt Nam.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi, hoạt động xuất khẩu rau, quả, đặc biệt là trái cây tươi sang Mỹ cũng gặp không ít khó khăn

do khoảng cách địa lý, chi phí vận chuyển, bảo quản cao. Hoa quả tươi có mùa vụ ngắn cũng đòi hỏi các khâu trong chuỗi phân phối phải rất nhịp nhàng, hiệu quả.

Kim ngạch xuất khẩu một số loại trái cây của Việt Nam sang thị trường Mỹ trong 9 tháng đầu năm 2021

Mặt hàng	9 tháng năm 2021 (nghìn USD)	So với 9 tháng năm 2020 (%)
Thanh long	17.689	16,0
Sầu riêng	16.722	247,6
Macadamia	12.569	998,4
Óc chó	6.318	130,2
Xoài	5.941	22,1
Hạnh nhân	4.276	48,4
Dừa	4.113	19,5
Hạt dẻ cười	2.191	118,1
Nhãn	2.016	-63,4
Vú sữa	1.407	71,7
Chanh leo	606	1.599,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản

SANG THỊ TRƯỜNG ĐỨC TĂNG KHÁ

trong 9 tháng đầu năm 2021

Xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Đức trong tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2021 tăng trưởng khá tích cực mặc dù chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch COVID-19, chi phí logistics tăng cao và tình trạng khan hiếm container rỗng.



Theo tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Đức trong tháng 9/2021 tăng 34,7% so với cùng kỳ năm ngoái, lên mức 86,83 triệu USD.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này sang thị trường Đức đã tăng 15,2% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 753,97 triệu USD.

Trong đó, tăng trưởng ghi nhận ở nhiều mặt hàng như: Thủy sản đạt 139,6 triệu USD, tăng 7%; gỗ và sản phẩm gỗ đạt 91,19 triệu USD, tăng 11,7%; hạt tiêu tăng 8% về lượng và tăng tới 68,6% về trị giá; đặc biệt cao su tăng 87,5% về lượng và 143,5% về trị giá.

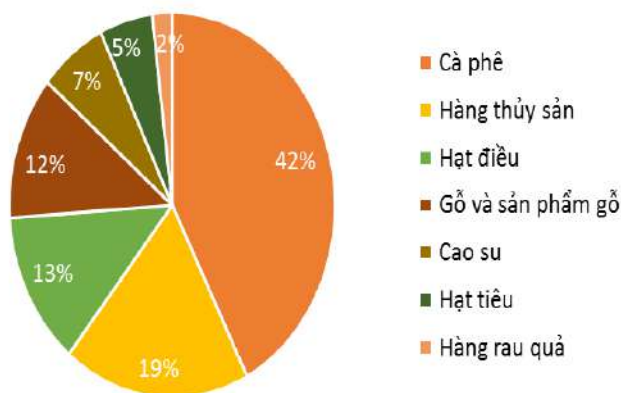
Trong khi đó, mặt hàng đứng đầu về xuất khẩu sang Đức là cà phê dù giảm 1% về lượng nhưng đã tăng 13,8% về trị giá, đạt 181,01 nghìn tấn, trị giá 319,52 triệu USD.

Trái lại, xuất khẩu hạt điều tăng 1,9% về lượng nhưng giảm 2,8% về trị giá so với 9 tháng năm ngoái.

Với việc tận dụng tốt các cơ hội mà Hiệp định EVFTA mang lại, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Đức có khả năng đạt mức tăng trưởng cao hơn nữa trong tương lai.

Một điểm lợi thế nữa trong xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường Đức là nước này có cộng đồng người Việt Nam đông đảo, đang sinh sống, làm việc và kinh doanh, có hệ thống phân phối sản phẩm châu Á, trong đó phần lớn có xuất xứ từ Việt Nam rộng khắp nước Đức, là các đầu mối tiêu thụ và trung chuyển tiềm năng của hàng hóa xuất khẩu Việt Nam không chỉ trong phạm vi nước Đức.

Tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Đức trong 9 tháng đầu năm 2021



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Đức trong 9 tháng đầu năm 2021

Tên hàng	9 tháng năm 2021		So với 9 tháng năm 2020 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng kim ngạch		753.969		15,2
Cà phê	181.014	319.522	-1,0	13,8
Hàng thủy sản		139.609		7,0
Hạt điều	15.686	98.049	1,9	-2,8
Gỗ và sản phẩm gỗ		91.189		11,7
Cao su	27.439	50.572	87,5	143,5
Hạt tiêu	9.248	39.673	8,0	68,6
Hàng rau quả		14.858		-6,6
Chè	106	499	7,1	-4,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Hàng thủy sản:

Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang Đức tăng trong năm 2017 và 2018, nhưng giảm trong 2 năm tiếp theo 2019 và 2020 do nhóm hàng thủy sản khai thác của Việt Nam xuất khẩu tới EU chịu ảnh hưởng bởi "thẻ vàng" IUU.

Tuy nhiên, tình hình đang có những cải thiện tích cực trong năm 2021 nhờ tận dụng tốt các lợi thế từ EVFTA.

Tôm các loại chiếm 54,3% về lượng và chiếm 76% về trị giá trong xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường Đức trong 9 tháng qua, đạt 11,49 nghìn tấn, trị giá 105,57 triệu USD, tăng 15,5% về lượng

và tăng 21,5% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

Trong những tháng cuối năm 2021, nhu cầu tiêu thụ tại EU nói chung và thị trường Đức nói riêng có xu hướng hồi phục, cộng với những ưu đãi về thuế quan từ EVFTA sẽ tiếp tục tạo thuận lợi cho các sản phẩm thủy sản của Việt Nam tăng thêm tính cạnh tranh tại thị trường Đức.

Tuy nhiên, diễn biến của dịch Covid-19 tại thị trường trong và ngoài nước cùng với những ảnh hưởng của thẻ vàng IUU sẽ tiếp tục là những yếu tố tác động lớn nhất đến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường này.

Một số chủng loại thủy sản của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Đức trong 9 tháng đầu năm 2021

Chủng loại	9 tháng năm 2021		So với 9 tháng năm 2020 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tôm các loại	11.492	105.575	15,5	21,5
Cá ngừ các loại	4.834	17.569	8,7	-3,9
Cá tra, basa	2.975	8.269	-43,3	-44,0
Cá đông lạnh	630	2.957	-19,2	-14,6
Mực các loại	200	1.156	-33,0	-22,4

Chủng loại	9 tháng năm 2021		So với 9 tháng năm 2020 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Mắm	521	720	98,2	70,5
Bạch tuộc các loại	49	462	-38,0	-20,0
Cá khô	51	433	51,5	58,1
Thủy sản làm cảnh	1	311		-31,9
Surimi	52	207	86,6	3,6

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Cà phê:

kg/người/năm.

Theo số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), lượng cà phê nhập khẩu của Đức trong 8 tháng đầu năm 2021 đạt 817,32 nghìn tấn, giảm nhẹ 0,4% so với cùng kỳ năm ngoái.

Trong đó, Đức tăng mạnh nhập khẩu cà phê từ Braxin (tăng 21,4%), nhưng giảm nhập khẩu từ Việt Nam (giảm 22,8%), Honduras (giảm 20%), Colombia (giảm 8,2%).

Đức hiện là thị trường xuất khẩu cà phê nhiều tiềm năng của các nhà cung cấp lớn trên thế giới. Theo thông tin từ trang Mordor Intelligence, Đức là quốc gia tiêu thụ cà phê lớn nhất ở châu Âu với mức tiêu thụ bình quân đầu người đạt khoảng 6,5

Nhu cầu của người tiêu dùng Đức đối với cà phê đặc sản đang tăng lên. Dự kiến, nhu cầu tiêu thụ cà phê của Đức trong giai đoạn 2020-2025 tăng trưởng bình quân 3,09%/năm.

Người tiêu dùng Đức ưa thích cà phê Arabica rang nhẹ và có chất lượng cao. Phân khúc cà phê Arabica là phân khúc tăng trưởng nhanh nhất và được dự báo sẽ chứng kiến những cải thiện lớn trong giai đoạn dự báo.

Nếu xét theo loại sản phẩm, phân khúc cà phê xay chiếm thị phần lớn nhất do tiện lợi trong tiêu thụ và phù hợp với sở thích của người tiêu dùng Đức.

Đức nhập khẩu cà phê từ các thị trường chính trong 8 tháng đầu năm 2021

Thị trường	8 tháng năm 2021		So với 8 tháng năm 2020 (%)		Thị phần tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	8T/2020	8T/2021
Tổng	817.325	2.574.719	-0,4	9,3	100,0	100,0
Braxin	307.529	754.480	21,4	26,9	30,9	37,6
Việt Nam	138.182	240.372	-22,8	-16,0	21,8	16,9
Honduras	71.918	248.698	-20,0	-7,2	10,9	8,8
Colombia	36.878	151.741	-8,2	8,7	4,9	4,5
Uganda	34.127	65.337	33,4	24,6	3,1	4,2
Italia	34.045	185.801	11,3	15,2	3,7	4,2
Ethiopia	24.744	90.316	-27,3	-6,3	4,1	3,0
Ấn Độ	20.013	50.900	-9,9	-7,0	2,7	2,4

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)



XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU NÔNG SẢN HƯNG YÊN

Hưng Yên có điều kiện tự nhiên rất thuận lợi để phát triển vùng trồng các cây ăn quả và các cây công nghiệp khác theo hướng tập trung và đa dạng hóa các sản phẩm nông sản mang tính đặc trưng. Những năm gần đây, tỉnh Hưng Yên tăng cường xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu cho các mặt hàng chủ lực của tỉnh. Một số mặt hàng nông sản đã có thương hiệu vững chắc, có sức cạnh tranh tốt trên thị trường, tạo đà cho nền sản xuất nông nghiệp hàng hóa phát triển.

Tỉnh Hưng Yên có nhiều loại đặc sản, trong đó nhãn lồng Hưng Yên được xếp thứ 12 trong 50 loại đặc sản trái cây nổi tiếng nhất nước; tương Bần được xếp thứ nhất trong top 10 đặc sản nước chấm và gia vị của Việt Nam. Một số sản phẩm khác như: gà Đông Tảo, chuối tiêu hồng, quất cảnh Văn Giang đang trong quá trình xây dựng nhãn hiệu.

Bên cạnh đó, tỉnh rất chú trọng đến sản xuất hàng hóa theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Với tiềm năng và lợi thế của tỉnh, Hưng Yên đã tích cực đẩy mạnh chương trình OCOP. Đến nay, toàn tỉnh Hưng Yên đã có 52 sản phẩm được xếp hạng sao OCOP. Sản phẩm đạt các hạng sao được UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận; được sử dụng nhãn hiệu chứng nhận OCOP và thứ hạng sao trên bao bì hiện hành. Trong đó, sản phẩm nhãn muện Miễn Thiết của xã Hàm Tử được cấp chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP 4 sao.

Đối với sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản, tỉnh Hưng Yên quan tâm đẩy mạnh liên kết sản xuất, cung ứng sản phẩm thị trường cần. Điều này nhằm bảo đảm giá bán sản phẩm cho nông dân, hạn chế tình trạng được mùa rớt giá, cung vượt cầu. Tỉnh cũng khuyến khích các chương trình khởi nghiệp nông nghiệp để kết nối sản xuất với tiêu dùng.

Tỉnh cũng đặt mục tiêu tiếp tục cơ cấu lại nông nghiệp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và xây dựng nông thôn mới; tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị; khai thác và vận dụng tốt lợi thế nền nông nghiệp nhiệt đới; kết nối nông nghiệp với công nghiệp chế biến, hướng tới xuất khẩu nhiều mặt hàng nông sản. Trong thời gian tới, tỉnh cũng tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, các hợp tác xã, các tổ chức, cá nhân đầu tư nhà lạnh, kho mát để tạm trữ rau, quả, từng bước đưa công nghệ mới vào bảo quản nông sản.

Tỉnh Hưng Yên đặt mục tiêu đến năm 2025 có từ 55-60 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; từ 25-30 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và có ít nhất 1 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Đến năm 2030, thu nhập của người dân khu vực nông thôn cao gấp hơn 2 lần so với năm 2020; hoàn thành xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu; xây dựng nông nghiệp hàng hóa hiệu quả cao, an toàn và bền vững.

Trên địa bàn tỉnh đã hình thành các vùng sản xuất chuyên canh các sản phẩm nông nghiệp như: Vùng chuyên canh sản xuất các loại cây ăn quả ở thành phố Hưng Yên, các huyện Kim Động, Khoái Châu; vùng sản xuất cây rau màu ở các huyện Tiên Lữ, Kim Động, Yên Mỹ và thành phố Hưng Yên; vùng sản xuất hoa, cây cảnh các loại ở huyện Văn Giang; vùng chuyên canh gieo cấy lúa ở các huyện Phù Cừ, Yên Mỹ và thị xã Mỹ Hào... Các vùng chuyên canh đã trở thành định hướng để hình thành, nâng cao hiệu quả hoạt động các hợp tác xã nông nghiệp, từ đó góp phần xây dựng thương hiệu nông sản của tỉnh đi vào chiều sâu theo hướng khép kín từ sản xuất, dịch vụ đến tiêu thụ sản phẩm khi gắn với vùng chuyên canh nông nghiệp.

Tỉnh cũng triển khai xây dựng các mô hình sản xuất tiên tiến, hiện đại hướng tới nền nông nghiệp sạch, công nghệ cao, bền vững, thân thiện với môi trường. Với mong muốn đưa sản phẩm nông nghiệp thế mạnh của địa phương phát triển rộng rãi

ra thị trường với chất lượng và sản lượng tốt nhất như HTX nghệ Chí Tân, nhiều HTX nông nghiệp khác trong tỉnh đang nỗ lực trong quá trình hoạt động bằng cách ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật hiện đại trong sản xuất, tăng cường liên kết với những đơn vị uy tín từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm... Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 36 HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; 140 HTX đang thực hiện liên kết sản xuất hiệu quả trong quá trình sản xuất. Với mỗi bước đi, cách làm của các HTX đã góp phần tạo nên sức mạnh để đưa sản phẩm nông nghiệp của tỉnh vươn lên tầm cao mới.

Riêng đối với nhãn lồng Hưng Yên, tỉnh đặt mục tiêu bắt đầu từ năm 2022 sẽ phấn đấu xây dựng được thương hiệu trên thị trường quốc tế, đồng thời phối hợp với cơ quan tham tán thương mại Việt Nam tại nước ngoài để tìm kiếm thị trường mới, nhất là tại các thị trường: Trung Quốc, ASEAN, Nhật Bản, Australia.

Trong năm 2021, dịch COVID-19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng việc tiêu thụ nông sản của tỉnh. Việc tiêu thụ nông sản đã được chuyển qua hình thức mới – thương mại điện tử. Do ảnh hưởng của dịch bệnh, nhiều nơi bị cách ly, phong tỏa, thị trường truyền thống bị thu hẹp, việc đưa nhãn lồng Hưng Yên lên sàn thương mại điện tử là một giải pháp hữu hiệu nhất hiện nay, giúp đưa loại quả đặc sản này đến gần hơn với đông đảo người tiêu dùng trong nước và quốc tế.

Cục Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương) đã kết nối và mời được 5 sàn thương mại điện tử sẽ tham gia phối hợp với tỉnh Hưng Yên và Bộ Công Thương, các đơn vị liên quan của Bộ Công Thương để giúp kết nối tiêu thụ nhãn và các sản phẩm nhãn, cũng như các nông sản khác trên các sàn thương mại điện tử.

Đến nay, diện tích nhãn lồng của Hưng Yên đạt khoảng 4.800 ha, trong đó nhãn trồng theo tiêu chuẩn VietGAP cho sản phẩm chất lượng cao là hơn 1.300 ha.

TUẦN HÀNG VIỆT NAM TẠI HÀ LAN

Nhằm quảng bá nông sản thực phẩm Việt Nam đến với người tiêu dùng Hà Lan, từ ngày 21-23/10/2021, Thương vụ Việt Nam tại Hà Lan đã phối hợp với Công ty Xuất nhập khẩu LTP BV tổ chức Tuần hàng Việt Nam tại Hà Lan.

Trong ngày khai mạc Tuần hàng Việt Nam tại Hà Lan (21/10), các sản phẩm từ Việt Nam được bày bán đã được tiêu thụ mạnh như bún, miến khô, mì ăn liền, gạo, nước chấm, nước dứa, vải đóng lon, các loại gia vị, các loại bánh kẹo. Các sản phẩm này đã được người tiêu dùng tại Hà Lan đón nhận khá tích cực.

Mặc dù những tháng gần đây, tình hình dịch bệnh căng thẳng tại Việt Nam đã ảnh hưởng đến sản xuất, xuất khẩu hàng Việt Nam sang Hà Lan và EU, tuy nhiên, tại kênh phân phối này, người tiêu dùng có thể thấy rất nhiều chủng loại nông sản thực phẩm của Việt Nam, từ đồ tươi đến sản phẩm đông lạnh, chế biến.

Trong Tuần lễ này có gần 50 mặt hàng được đưa vào quảng bá, giới thiệu với

những ưu đãi hấp dẫn khi mua hàng, gồm: gạo ST24, bún, miến, mì, phở khô, ăn liền, nước chấm, gia vị, trái cây tươi, sấy, cấp đông, nước ép, nước đóng lon, rau, củ cấp đông, thủy sản đông lạnh, bánh kẹo... Ngoài ra, người tiêu dùng còn được thử những sản phẩm mới từ Việt Nam như cà phê hạt rang xay, tương ớt lên men tự nhiên, thanh long, salad thanh long, miến gấc. Bên cạnh đó, ẩm thực Việt Nam được giới thiệu trong ngày khai mạc Tuần hàng với nhiều món ăn đậm bản sắc Việt Nam như nem cuốn, nem rán, bánh phồng tôm, salad thanh long, bánh cuốn, trái cây sấy, kẹo mè, nước dứa tươi từ Việt Nam.

Triển khai hoạt động thuộc Đề án của Bộ Công Thương "Đưa hàng Việt vào hệ thống phân phối nước ngoài", đặc biệt trước tình hình khó khăn đối với các hoạt động xúc tiến thương mại, hội chợ, triển lãm nước ngoài, việc tổ chức Tuần hàng Việt Nam tại Hà Lan là nỗ lực lớn của Thương vụ, nhằm thu hút người tiêu dùng đối với sản phẩm Việt Nam, qua đó tìm hiểu nhu cầu, xu hướng của người tiêu dùng hiện nay.

SỬA ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ CAM CAO PHONG

Cam Cao Phong được Cục Sở hữu trí tuệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý số 00046 theo Quyết định số 3947/QĐ-SHTT ngày 05/11/2013. Theo Quyết định này, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hòa Bình là tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý, sản phẩm cam quả mang chỉ dẫn địa lý gồm các giống: cam CS1, Xã Đoài Lùn, Xã Đoài Cao và cam Canh nằm trong khu vực địa lý thuộc thị trấn Cao Phong và các xã: Tây Phong, Bắc Phong, Dũng Phong, Tân Phong và Thu Phong thuộc huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

Ngày 12/10/2021, Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 4506/QĐ-SHTT về việc sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý số 00046 cho sản phẩm cam Cao Phong với những sửa đổi sau:

Tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý được sửa đổi thành Ủy ban nhân dân huyện Cao Phong.

Mục tính chất, chất lượng đặc thù của sản phẩm được bổ sung thêm giống cam V2 với các đặc thù như sau:

- Cảm quan: Vỏ quả nhẵn và mỏng. Mùi thơm nước. Vị ngọt đậm. Mùi thơm.

- Chỉ tiêu chất lượng: Độ Brix từ 9,65 đến 10,37°Bx.

Khu vực địa lý được sửa đổi, bổ sung thành: Thị trấn Cao Phong, xã Tây Phong, xã Bắc Phong, xã Dũng Phong, xã Thu Phong, xã Hợp Phong, xã Bình Thanh, xã Thung Nai, xã Nam Phong và xã Thạch Yên thuộc huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

BẢO HỘ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “CÀ MAU” CHO SẢN PHẨM TÔM SÚ

Ngày 30/9/2021, Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 4287/QĐ-SHTT về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý số 00110 cho sản phẩm tôm sú Cà Mau. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cà Mau là Tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý này.

Chất lượng của tôm sú Cà Mau có được là nhờ vào những điều kiện tự nhiên đặc thù cũng như phương pháp sản xuất của người nuôi tôm tại khu vực địa lý.

Khu vực địa lý: Gồm các xã, phường và thị trấn thuộc tỉnh Cà Mau, cụ thể:

- Thị trấn Rạch Gốc và các xã Đất Mũi, Tam Giang Tây, Tân Ân Tây, Tân Ân, Viên An Đông, Viên An thuộc huyện Ngọc Hiển;

- Thị trấn Năm Căn và các xã Đất Mới, Hàm Rồng, Hàng Vịnh, Hiệp Tùng, Lâm Hải, Tam Giang, Tam Giang Đông thuộc huyện Năm Căn;

- Thị trấn Cái Đoi Vàm và các xã Nguyễn Việt Khái, Phú Mỹ, Phú Tân, Phú Thuận,

Rạch Chèo, Tân Hải, Tân Hưng Tây, Việt Thắng thuộc huyện Phú Tân;

- Thị trấn Đầm Dơi và các xã Ngọc Chánh, Nguyễn Huân, Quách Phẩm, Quách Phẩm Bắc, Tạ An Khương, Tạ An Khương Đông, Tạ An Khương Nam, Tân Dân, Tân Đức, Tân Duyệt, Tân Thuận, Tân Tiến, Tân Trung, Thanh Tùng, Trần Phán thuộc huyện Đầm Dơi;

- Thị trấn Cái Nước và các xã Đông Hưng, Đông Thới, Hòa Mỹ, Hưng Mỹ, Lương Thế Trân, Phú Hưng, Tân Hưng Đông, Tân Hưng, Thạnh Phú, Trần Thới thuộc huyện Cái Nước;

- Thị trấn Sông Đốc và các xã Lợi An, Phong Điền, Phong Lạc thuộc huyện Trần Văn Thời;

- Các xã Hồ Thị Kỳ, Tân Lộc, Tân Lộc Đông, Tân Lộc Bắc thuộc huyện Thới Bình;

- Phường Tân Thành và các xã An Xuyên, Định Bình, Hòa Tân, Hòa Thành, Tấn Vân, Tân Thành thuộc thành phố Cà Mau.

GIAO THƯƠNG:

DOANH NGHIỆP NHẬT BẢN CẦN NHẬP KHẨU MẶT HÀNG TINH DẦU LÁ TÍA TÔ

Doanh nghiệp Nhật Bản tìm kiếm doanh nghiệp Việt Nam sản xuất, cung cấp tinh dầu làm từ lá tía tô.

Doanh nghiệp Việt Nam có nhu cầu kết nối giao thương, xin gửi thông tin chi tiết

(tên, địa chỉ công ty bằng tiếng Anh, tel, email, website...) đến địa chỉ email dưới đây:

Email: jp@moit.gov.vn

DOANH NGHIỆP HỒNG CÔNG TÌM KIẾM NHÀ CUNG CẤP HẠT ĐẬU

NÀNH ĐEN

Doanh nghiệp Hồng Công tìm nhà cung cấp hạt đậu nành đen (Vietnamese black soybeans), kích thước hạt: 7-8 mm, 8.5 mm hoặc hơn.

Doanh nghiệp Việt Nam có khả năng cung cấp đề nghị liên lạc:

Tên Công ty: Kanezen Hong Kong

Đại diện: Mr. Okada Keiji

E-mail: keiji@kanezen.com;

hoặc: Thương vụ Việt Nam tại Hồng Công

Add: 17F Golden Star Building, 20 Lockhart Road, Wanchai, Hong Kong
Tel: +852 2865 3218. E-mail: hk@moit.gov.vn

BỘ CÔNG THƯƠNG ĐỀ NGHỊ DOANH NGHIỆP HỢP TÁC ĐIỀU TRA PHÒNG VỆ SẢN PHẨM ĐƯỜNG MÍA

Nhằm phục vụ cho quá trình điều tra chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với một số sản phẩm đường mía, Cục Phòng vệ thương mại, Bộ Công Thương đã có thông báo gửi bản câu hỏi điều tra cho các doanh nghiệp sản xuất/xuất khẩu nước ngoài. Thời hạn để trả lời bản câu hỏi điều tra là trước 17h00 ngày 1/12/2021.

Để đảm bảo quyền và lợi ích của mình, Cơ quan điều tra đề nghị tất cả các nhà sản xuất/xuất khẩu nước ngoài có liên quan tham gia, hợp tác đầy đủ trong suốt quá trình điều tra.

Nội dung bản trả lời của các doanh nghiệp sẽ là căn cứ để Cơ quan điều tra xem xét và đưa ra kết luận điều tra của vụ việc.

Trong trường hợp Cơ quan điều tra không nhận được thông tin trả lời đúng hạn của các nhà sản xuất/xuất khẩu nước ngoài hoặc trong trường hợp thông tin cung cấp không chính xác, không đầy đủ theo yêu cầu thì Cơ quan điều tra sẽ sử dụng thông tin sẵn có để đưa ra kết luận theo quy định tại Điều 75 Luật Quản lý ngoại thương.

Cách thức trả lời các phần trong bản câu hỏi, số lượng phải nộp, hình thức nộp và thời hạn nộp được hướng dẫn chi tiết trong Bản câu hỏi. Do đó, Cơ quan điều tra đề nghị doanh nghiệp và cơ quan có thẩm quyền đọc kỹ hướng dẫn trước khi trả lời và nộp bản trả lời đúng thời hạn.

Trước đó, ngày 21/9/2021, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 2171/



QĐ-BCT về việc tiến hành điều tra áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với một số sản phẩm đường mía từ các nước Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia và Myanmar trên cơ sở hồ sơ yêu cầu của đại diện ngành sản xuất trong nước và Hiệp hội Mía đường Việt Nam.

Số liệu nhập khẩu của cơ quan hải quan cho thấy, lượng nhập khẩu đường được khai báo là có xuất xứ từ 5 nước ASEAN nói trên trong giai đoạn sau khi Việt Nam khởi xướng điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp với đường mía từ Thái Lan (từ tháng 10/2020 đến tháng 6/2021) đã tăng mạnh so với giai đoạn 9 tháng trước đó.

Cụ thể, lượng nhập khẩu tăng từ 107.600 tấn lên 527.200 tấn. Trong khi đó, lượng nhập khẩu đường có xuất xứ từ Thái Lan vào Việt Nam đã giảm gần 38%, từ 955.500 tấn xuống còn 595.000 tấn.

TIẾP NHẬN HỒ SƠ YÊU CẦU RÀ SOÁT CUỐI KỲ BIỆN PHÁP TỰ VỆ ĐỐI VỚI PHÂN BÓN DAP VÀ MAP NHẬP KHẨU

Cục Phòng vệ thương mại thông báo về việc bắt đầu tiếp nhận hồ sơ yêu cầu rà soát cuối kỳ biện pháp tự vệ đối với phân bón DAP và MAP nhập khẩu (SG06) vào ngày 20/10/2021.

Trước đó, sau quá trình điều tra, đánh giá toàn diện tác động của các sản phẩm phân bón DAP và MAP tới thị trường Việt Nam theo đúng quy định của pháp luật có liên quan, ngày 3/3/2020, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 715/QĐ-BCT gia hạn áp dụng biện pháp tự vệ đối với sản phẩm phân bón DAP/MAP nhập khẩu có mã HS: 3105.10.20; 3105.10.90; 3105.20.00; 3105.30.00; 3105.40.00; 3105.51.00; 3105.59.00; 3105.90.00.

Thời gian gia hạn áp dụng biện pháp tự vệ là 30 tháng kể từ ngày 07/3/2020 – 06/9/2022 (nếu không gia hạn).

Căn cứ Điều 96.2 (a) Luật Quản lý ngoại thương: "Trước khi kết thúc thời hạn áp dụng biện pháp tự vệ, tổ chức, cá nhân trong nước sản xuất hàng hoá tương tự hoặc hàng hoá cạnh tranh trực tiếp muốn gia hạn áp dụng biện pháp tự vệ phải nộp hồ sơ yêu cầu gia hạn áp dụng biện pháp tự vệ.

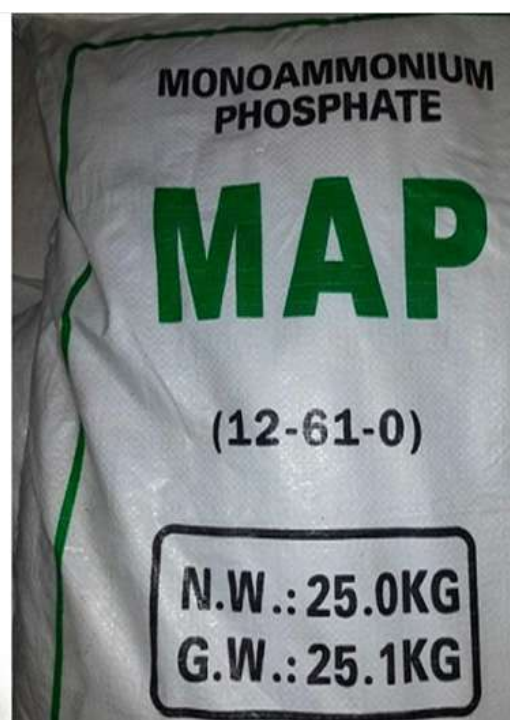
Hồ sơ yêu cầu gia hạn áp dụng biện pháp tự vệ bao gồm bằng chứng cho thấy ngành sản xuất trong nước đã thực hiện các biện pháp điều chỉnh cần thiết để nâng cao khả năng cạnh tranh và việc

chấm dứt áp dụng biện pháp tự vệ sẽ gây ra thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất trong nước".

Theo Điều 69.1 Nghị định 10/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại: "Chậm nhất 09 tháng trước ngày quyết định áp dụng biện pháp tự vệ hết hiệu lực, cơ quan điều tra thông báo về việc nhận Hồ sơ yêu cầu rà soát cuối kỳ. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có thông báo của cơ quan điều tra tổ chức, cá nhân có quyền nộp Hồ sơ yêu cầu...".

Do đó, Cục Phòng vệ thương mại đề nghị các tổ chức, cá nhân trong nước sản xuất hàng hóa tương tự hoặc hàng hóa cạnh tranh trực tiếp muốn gia hạn áp dụng biện pháp tự vệ nộp Hồ sơ yêu cầu gia hạn áp dụng biện pháp tự vệ.

Thời hạn nộp hồ sơ yêu cầu rà soát cuối kỳ trước ngày 19/11/2021.



NHIỀU MẶT HÀNG NÔNG SẢN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI TĂNG GIÁ TRONG THÁNG 10/2021

Trong tháng 10/2021, giá ngô, lúa mì, cà phê và cao su tăng so với tháng trước.

Trên sàn giao dịch Chicago, giá lúa mì tăng lên mức cao nhất 2 tháng do nhu cầu thế giới tăng mạnh và lo lắng về nguồn cung lúa mì. Hợp đồng lúa mì mềm đỏ vụ Đông CBOT đóng cửa phiên giao dịch ngày 27/10 tăng 4,2% so với cuối tháng trước lên 756,3 US cent/bushel.

Ngô cũng tăng lên mức cao nhất trong hơn 2 tuần trong đầu phiên giao dịch, được hỗ trợ từ lúa mì và dầu thô. Nhưng giá giảm sau đó do mưa đúng lúc đã thúc đẩy việc gieo trồng tại Nam Mỹ và xuất khẩu hàng tuần của Mỹ yếu.

Ngô CBOT được giao dịch ở mức 555,5 US cent/bushel, tăng 5,7% so với tháng trước.

Ở chiều ngược lại, giá đậu tương giảm 3,2%, xuống còn 1.247 US cent/bushel. Giá đậu tương kỳ hạn trên sàn giao dịch Chicago giảm sau khi Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) dự báo lượng dự trữ đậu tương và ngô cuối kỳ của Mỹ cao hơn mức trung bình của các nhà phân tích ước tính.

Tương tự, đường thô kỳ hạn tháng 3/2022 giảm 1,4% so với cuối tháng trước, xuống còn 19,7 US cent/lb. Sản xuất đường ở khu vực Trung Nam Brazil trong nửa đầu tháng 10 giảm 56% so với cùng kỳ năm trước, giảm nhiều hơn dự kiến. Nhưng sản lượng của nước này có thể phục hồi trong năm tới sau khi mưa nhiều trong tháng 10.

Kết thúc phiên giao dịch ngày 27/10, giá cà phê Robusta tại London giao tháng 11/2021 tăng 8,9% (190 USD/tấn) so với cuối tháng trước, lên mức ở mức 2.325 USD/tấn. Trong khi đó trên sàn New York, giá cà phê Arabica giao tháng 12/2021

tăng 4,6% lên 201,3 US cent/lb.

Giá cà phê Robusta vẫn duy trì mạch tăng ấn tượng do thị trường lo ngại thiếu hàng cục bộ. Điều này diễn ra trong bối cảnh vụ cà phê mới tại Việt Nam đang bị ảnh hưởng bởi mưa nhiều nên chưa thể thu hái rộ đưa ra thị trường. Trong khi đó tình trạng khủng hoảng logistics toàn cầu vẫn rất trầm trọng, khiến tàu vận chuyển ách tắc, container rỗng thiếu hụt.

Trong khi đó, giá cà phê Arabica cũng tăng lên do giá trị đồng Real của Brazil tăng, và các quỹ đầu cơ tăng mua trên sàn New York. Ngoài ra tại Nam Mỹ, tình trạng hàng hóa ùn ứ vì thiếu container rỗng cũng đang diễn ra, khiến nguồn cung bị ảnh hưởng, kích thích giá tăng.

Trên thị trường gạo, giá gạo đồ 5% tấm xuất khẩu của Ấn Độ không biến động nhiều khi dao động ở mức 362 – 365 USD/tấn tính đến cuối tháng 10/2021. Giá tăng nhẹ do đồng Rupee mạnh lên, trong khi nhu cầu vẫn có nhưng nguồn cung lại hạn chế. Đồng Rupee đang giao dịch ở gần mức cao nhất trong 2 tuần, làm giảm biên lợi nhuận từ xuất khẩu gạo của các nhà xuất khẩu Ấn Độ - nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới.

Giá gạo 5% tấm của Thái Lan sau khi tăng lên mức 385 – 420 USD/tấn giữa tháng 10 đã giảm xuống còn 385 – 390 USD/tấn vào cuối tháng, và giảm 3 USD/tấn so với cuối tháng trước do biến động tỷ giá và nhu cầu yếu.

Những lo ngại kéo dài về chi phí vận chuyển cao tiếp tục là thách thức cho các nhà xuất khẩu gạo Thái Lan. Nhu cầu yếu do rất khó giao gạo khi chi phí cao và do nhiều vấn đề logistics nên khách hàng đang chuyển sang các các nước cung

cấp khác có giá hấp dẫn hơn giá gạo Thái Lan. Nguồn cung gạo Thái Lan sẽ bắt đầu tăng từ đầu tháng 11.

Tham khảo giá một số nông sản thế giới đến ngày 27/10/2021

Hàng hóa	ĐVT	Ngày 27/10/2021	So với ngày 27/9/2021 (%)	So với cuối năm 2020 (%)	So với cùng kỳ năm 2020 (%)
Ngô CBOT	US cent/bushel	555,5	5,7	22,3	51,6
Lúa mì CBOT	US cent/bushel	756,3	4,2	20,3	37,2
Lúa mạch	US cent/bushel	712,3	23,7	110,6	150,4
Đậu tương	US cent/bushel	1.247,0	-3,2	-1,8	24,6
Khô đậu tương	USD/tấn	331,7	-3,0	-20,7	-1,2
Dầu đậu tương	US cent/bushel	61,2	6,8	49,3	89,0
Hạt cải	CAD/tấn	958,8	8,7	52,6	87,6
Ca cao	USD/tấn	2.594,0	1,0	0,0	-0,2
Đường thô	US cent/lb	19,7	-1,4	32,3	46,5
Nước cam	US cent/lb	124,4	-10,3	2,2	16,3
Cà phê Robusta	USD/tấn	2.325,0	8,9	69,8	71,7
Cà phê Arabica	US cent/lb	201,3	4,6	59,8	78,9
Gỗ xẻ	USD/1000 board feet	705,0	9,6	-10,1	21,8
Gạo đỏ 5% tấm Ấn Độ	USD/tấn	365,0	0,0	-5,7	-5,2
Gạo trắng 5% tấm Thái Lan	USD/tấn	390,0	-0,8	-25,0	-21,2
Cao su Singapore	US cent/kg	174,9	7,1	14,4	25,7

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

NHẬP KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN VÀO ANH TĂNG TRƯỞNG LIÊN TỤC TRONG 5 NĂM QUA

Theo dữ liệu từ Cơ quan Thống kê Quốc gia Anh, nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Anh tăng trưởng liên tục trong giai đoạn 2015-2019, với tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 3,8%/năm.

Năm 2020, ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 khiến nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Anh giảm 4,27% so với năm 2019, đạt 53,5 tỷ USD.

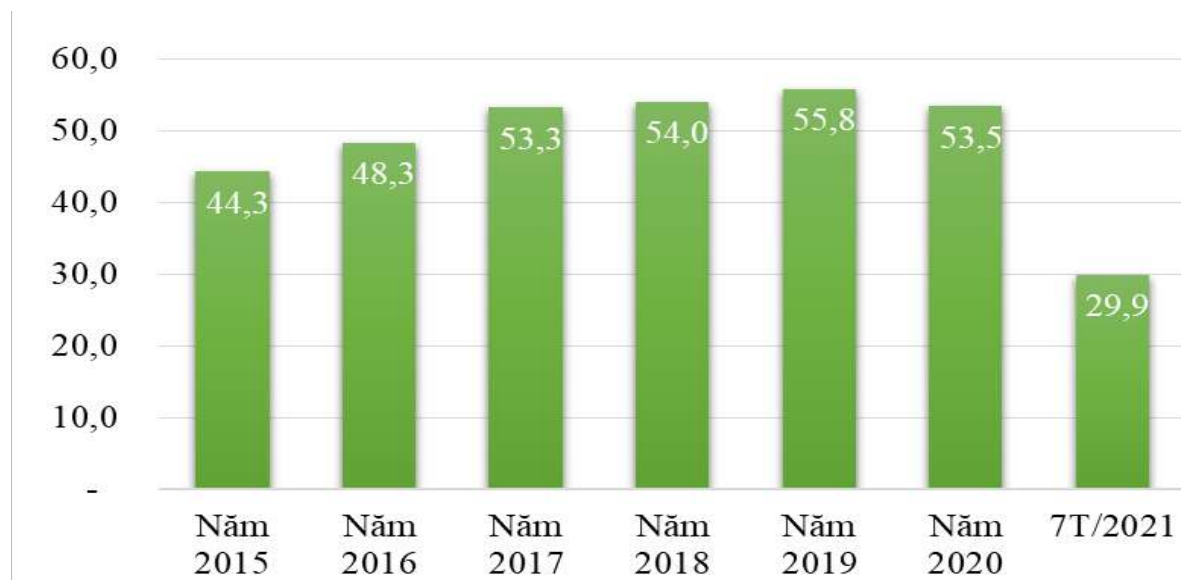
Bước sang năm 2021, ảnh hưởng của biến thể Delta khiến các hoạt động của nền



kinh tế Anh tiếp tục chứng lại, trong đó có hoạt động nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản. Nhập khẩu nhóm hàng này vào

Anh trong 7 tháng năm 2021 đạt 29,9 tỷ USD, giảm nhẹ 0,8% so với cùng kỳ năm 2020.

Trị giá nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Anh qua các năm 2015-2020 và 7 tháng năm 2021 (Đvt: Tỷ USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Thống kê Quốc gia Anh

Trong giai đoạn 2015-2020, nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Anh tăng ở hầu hết các nhóm mặt hàng, trừ nhập khẩu đồ nội thất dùng làm hàng hóa trung gian (nhóm hàng bán thành phẩm) dùng để lắp ráp, sản xuất tại Anh giảm 3,6%/năm. Trong đó, nhập khẩu nhóm mặt hàng ngũ cốc tăng trưởng mạnh nhất, tăng trưởng với tốc độ bình quân hàng năm là 7,1%/năm.

Trong 7 tháng năm 2021, nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Anh giảm nhẹ so với cùng kỳ năm 2020 do nhập khẩu hầu hết các nhóm mặt hàng giảm. Tuy vậy, nhập khẩu đồ nội thất vào Anh tăng trưởng mạnh, tăng 37,7% so với cùng kỳ năm 2020, cụ thể, nhập khẩu đồ nội thất là hàng tiêu dùng tăng 45,4% và nhập khẩu đồ nội thất là hàng hóa vốn tăng 38,1%. Ngoài ra, nhập khẩu động vật sống vào Anh cũng tăng 53,6% trong 7 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020.

Trong giai đoạn 2015-2020, nhập khẩu hàng rau quả vào Anh tăng trưởng với tốc độ tăng bình quân hàng năm là 4,7%/năm. Tuy vậy, 7 tháng năm 2021, nhập khẩu hàng rau quả vào Anh lại giảm 9,8% so với cùng kỳ năm 2020.

Rau quả được nhập khẩu nhiều nhất trong nhóm hàng nông, lâm, thủy sản vào Anh, chiếm khoảng 28-29% tổng trị giá nhập khẩu. Theo Bộ Môi trường, Thực phẩm và Các vấn đề Nông thôn của Anh, nước Anh chủ yếu dựa vào rau, đặc biệt là trái cây nhập khẩu. Trong đó, nước này chỉ tự cung cấp hơn một nửa so với tổng nhu cầu rau của họ. Năm 2020, Anh giảm nhập khẩu rau do tỷ lệ tự cung cấp rau của nước này tăng lên, chiếm khoảng 56% tổng nhu cầu.

Tại Anh, tổng sản lượng rau vẫn khá ổn định trong những năm gần đây, ở mức 2,5 đến 2,6 triệu tấn (có thời điểm cao hơn). Nông

nghiệp trồng rau của Anh chủ yếu bao gồm các loại rau trên cánh đồng lớn. Cà rốt là sản phẩm có sản lượng lớn nhất năm 2020, đạt 700.000 tấn, tiếp theo là hành tây và bắp cải, với 400.000 tấn mỗi loại.

Sản lượng rau nhà kính tại Anh khá khiêm tốn, với tổng số 270.000 tấn. Trong đó, cà chua là sản phẩm quan trọng nhất với 65.000 tấn. Tỷ lệ tự cung cấp với mỗi loại rau của Anh hàng năm là khác nhau, dao động từ 100% đối với cà rốt, 90% đối với bắp cải và 60% đối với súp lơ, 50% đối với nấm, 33% đối với rau diếp và 15% đối với cà chua.

Với trái cây, chỉ có dâu tây là có tỷ lệ tự cung cấp trên 50%. Vào năm 2020, Anh sản xuất ít trái cây hơn, với 650.000 tấn, trong khi mức sản lượng thông thường hàng năm là 750.000 tấn. Táo là loại trái cây được sản xuất nhiều nhất ở Anh, ở mức 200.000 tấn, trong khi sản lượng lê chỉ đạt 25.000 tấn.

Sản lượng dâu tây năm 2020 của Anh ở mức thấp, 125.000 tấn, thấp hơn so với hai năm trước đó với sản lượng thu hoạch là 140.000 tấn. Tỷ lệ tự cung cấp trái cây của Anh cũng khác nhau, dao động từ 70% đối với dâu tây, 40% đối với táo và mâm xôi, và 20% đối với lê.

Bên cạnh sản xuất, Anh là một thị trường nhập khẩu rau quả lớn trên thế giới. Đối với rau, Anh đứng ở vị trí thứ ba, sau Mỹ và Đức. Đối với trái cây, Anh ở vị trí thứ sáu sau Mỹ, Đức, Nga, Trung Quốc và Hà Lan. Anh nhập khẩu chủ yếu cà chua (khoảng 400.000 tấn) và hành tây (từ 300.000 đến 400.000 tấn). Tiếp theo là ớt chuông (220.000 tấn), xà lách (200.000 tấn), dưa chuột (200.000 tấn), súp lơ/bông cải xanh (130.000 tấn) và nấm (120.000 tấn)... Đối với trái cây, chuối vẫn là trái cây nhập khẩu hàng đầu của Anh. Nước này đã nhập khẩu hơn một triệu tấn chuối hàng năm. Tiếp theo là táo (350.000 tấn), dưa (320.000 tấn), quýt (310.000 tấn), nho (280.00) tấn và cam (270.000 tấn).

Tác động của Brexit (có hiệu lực từ ngày 1/1/2021) đã khiến Anh giảm nhập khẩu hàng rau quả từ Liên minh châu Âu (EU), thay vào đó, Anh đẩy mạnh nhập khẩu hàng rau quả từ các thị trường ngoài EU. Theo Cơ quan Thống kê Quốc gia Anh, tỷ trọng nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản từ EU vào Anh giảm từ 65,6% của năm 2020 xuống 58,9% trong 7 tháng năm 2021; trái lại, nhập khẩu nhóm hàng này từ các thị trường ngoại khối EU đã tăng từ 34,4% trong năm 2020 lên 41,1% trong 7 tháng năm 2021.

Các mặt hàng nông, lâm, thủy sản nhập khẩu vào Anh trong năm 2020 và 7 tháng năm 2021

Mặt hàng	Nhập khẩu vào Anh (triệu USD)				Tỷ trọng hàng Việt Nam trên tổng nhập khẩu của Anh (%)		
	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2015-2020 (%)	Năm 2020	7T/2021	So với 7T/2020	Năm 2020	7T/2021	7T/2020
Tổng	3,8	53.461	29.900	-0,8	1,681	1,737	1,726
Rau và trái cây	4,7	15.522	8.420	-9,8	0,689	0,650	0,713
Đồ nội thất chung	2,4	8.686	6.312	37,7	3,971	4,182	4,497
Đồ nội thất (tiêu dùng)	3,2	5.948	4.426	45,4	5,520	5,596	6,414
Nội thất (vốn)	5,1	1.573	1.224	38,1	0,937	1,235	1,114
Nội thất (trung gian)	-3,6	1.165	662	1,3	0,159	0,175	0,160
Thịt và các chế phẩm từ thịt	1,4	8.449	4.218	-12,4	0,001	0,005	0,001
Ngũ cốc	7,1	6.008	3.240	-0,3	0,305	0,371	0,288

Mặt hàng	Nhập khẩu vào Anh (triệu USD)				Tỷ trọng hàng Việt Nam trên tổng nhập khẩu của Anh (%)		
	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2015-2020 (%)	Năm 2020	7T/2021	So với 7T/2020	Năm 2020	7T/2021	7T/2020
Cà phê, chè, ca cao...	4,7	5.323	2.662	-8,5	1,862	1,998	2,402
Cá và động vật có vỏ	3,9	4.410	2.483	-1,5	7,459	5,419	6,667
Sản phẩm từ sữa và trứng	4,4	4.362	2.214	-10,9			
Động vật sống	0,4	698	351	53,6	0,004	0,159	0,012

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Thống kê Quốc gia Anh

Như vậy, tác động của Brexit, cùng với tác động của dịch Covid-19 khiến Anh có xu hướng chuyển nhập khẩu hàng hóa từ khu vực EU sang các thị trường ngoài EU. Đây là cơ hội cho các quốc gia đẩy mạnh xuất khẩu nhóm hàng này vào Anh thời gian tới.

Theo Tổ chức Hỗ trợ thương mại Đông Nam Á tại Anh cho biết, Anh là quốc gia có nền kinh tế lớn thứ 2 châu Âu, có chính sách thương mại tự do và có nhu cầu nhập khẩu nông, lâm, thủy sản rất lớn. Tuy nhiên, thị trường này có tính cạnh tranh rất cao với nguồn hàng nhập khẩu đa dạng.

Hiện tỷ trọng hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam trên tổng nhập khẩu nhóm hàng này của Anh vẫn chiếm tỷ trọng thấp, khoảng 1,7%. Việt Nam hoàn toàn có thể mở rộng thị phần hàng hóa tại Anh trong bối cảnh Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Anh đã được ký kết và có hiệu lực từ ngày 21/5/2021.

Đối với hàng rau quả, Anh vẫn có nhu cầu lớn đối với chủng loại này. Mặc dù Anh đã và đang đẩy mạnh sản xuất và tiêu thụ nội địa, tuy nhiên, với những tác động khách quan như ảnh hưởng xấu của thời tiết hoặc việc thiếu hụt lao động trong ngành nông nghiệp ở Anh đã khiến nhiều vùng tại Anh giảm sản xuất. Điều này sẽ khiến Anh vẫn phải nhập khẩu một lượng lớn hàng rau quả để phục vụ nhu cầu trong nước. Hàng rau quả hiện đang là nhóm hàng nông sản có lợi thế sản xuất tại Việt

Nam, trong khi tỷ trọng nhóm hàng này của Việt Nam tại Anh vẫn rất thấp, do đó Việt Nam có cơ hội rất lớn để đẩy mạnh xuất khẩu hàng rau quả sang thị trường này thời gian tới.

Đối với nhóm hàng đồ nội thất, đây là nhóm hàng mà Anh đang có nhu cầu nhập khẩu rất lớn. Trong khi đó, tỷ trọng đồ nội thất của Việt Nam tại Anh mới chỉ đạt 4-4,5%, do đó Việt Nam cũng có thể đẩy mạnh xuất khẩu nhóm hàng này sang thị trường Anh thời gian tới.

Cơ hội đẩy mạnh xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Anh đang rất lớn. Tuy vậy, để có thể thâm nhập sâu rộng vào thị trường này, các doanh nghiệp Việt Nam cần có chiến lược phù hợp để thiết lập quan hệ bạn hàng lâu dài. Hơn nữa, đối với những sản phẩm có tiềm năng, khá mới mẻ đối với người tiêu dùng Anh như các mặt hàng chè, gia vị, trái cây... các doanh nghiệp Việt Nam cần phải xây dựng niềm tin đối với người mua hàng Anh trước khi bán được hàng.

Hiện nay, đã có nhiều doanh nghiệp tiếp cận thành công thị trường Anh, song vẫn còn không ít doanh nghiệp chưa thành công mặc dù có sản phẩm tốt. Do vậy, doanh nghiệp Việt cần tăng cường tiếp cận các đối tác tiềm năng để tận dụng cơ hội xuất khẩu vào thị trường quan trọng này thông qua các hoạt động kết nối giao thương giữa hai nước.

► Theo Hiệp hội Mía đường Việt Nam (VSSA), vụ ép 2020/2021, sản lượng mía nguyên liệu đưa vào các nhà máy đường chỉ đạt 6.739.417 tấn mía (so với dự kiến đầu vụ 7.498.060 tấn của các Nhà máy đường), thấp nhất trong 20 vụ gần đây. Trong số 41 nhà máy của ngành mía đường thì đến nay chỉ còn 24 nhà máy đang hoạt động, 17 nhà máy còn lại đã ngừng sản xuất hoặc phá sản. Phân tích về nguyên nhân sụt giảm sản lượng mía nguyên liệu, VSSA cho rằng do một số vùng mía tiếp tục bị hạn hán, bão lụt gây hại, làm giảm cả diện tích lẫn năng suất và chất lượng mía. Hơn nữa, giá đường các vụ trước đó xuống thấp do tác động cạnh tranh quyết liệt của các loại đường giá rẻ có nguồn gốc nước ngoài, đường nhập lậu và gian lận thương mại.

► Theo Tổng cục Hải quan, trị giá xuất khẩu cá ngừ sang các thị trường chính trong tháng 9/2021 đồng loạt giảm so với cùng kỳ năm 2020. Cụ thể, tại thị trường Mỹ, xuất khẩu cá ngừ trong tháng 9 giảm 7,6% so với cùng kỳ năm 2020. Tại thị trường EU, xuất khẩu cá ngừ cũng giảm 25% trong tháng 9. Cả 3 thị trường chính trong khối là Italia, Đức và Tây Ban Nha đều sụt giảm. Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) nhận định, chi phí vận tải đường biển tăng và giá thép tăng cao đang khiến cho nhập khẩu cá ngừ đóng hộp của Mỹ và EU khó

có thể tăng trở lại.

► Báo cáo "Sản xuất và xuất khẩu viên nén của Việt Nam: Thực trạng và một số khía cạnh cần quan tâm" do Tổ chức Forest Trends phối hợp với Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam vừa công bố cho biết, trong những năm gần đây, lượng viên nén xuất khẩu mỗi năm đạt trên dưới 3 triệu tấn, kim ngạch đạt khoảng 350 triệu USD. Hàn Quốc và Nhật Bản là 2 thị trường nhập khẩu viên nén nhiên liệu lớn nhất của Việt Nam, với lượng xuất khẩu sang 2 thị trường này mỗi năm chiếm trên 90% trong tổng lượng xuất khẩu. Thị trường Hàn Quốc có quy mô lớn hơn so với thị trường Nhật Bản. Tuy nhiên, mức độ ổn định tại thị trường Nhật Bản lại cao hơn.

► Theo Hiệp hội các nhà xuất khẩu cà phê Brazil (Cecafe), trong tháng 9/2021, xuất khẩu cà phê nhân xô của nước này giảm 29% so với cùng kỳ năm 2020, xuống còn 2,74 triệu bao loại 60kg, do những khó khăn về vận chuyển cản trở luồng thương mại của hàng hóa này. Tình hình vận chuyển vẫn chưa cải thiện, các nhà xuất khẩu vẫn gặp rất nhiều khó khăn để đặt container và chỗ trên tàu, cũng như đối mặt với tình trạng thường xuyên trì hoãn bốc hàng từ các công ty vận chuyển.

